

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1997 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024**  
**huyện Phúc Thọ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 29/03/2024 của HĐND Thành phố Hà Nội về việc Thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2024; dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2663/TTr-STNMT-QHKHSDĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phúc Thọ đã được UBND thành phố phê duyệt tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 với các nội dung như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nội dung các dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND Thành phố là 01 dự án, diện tích 4,5 ha. Trong đó điều chỉnh diện tích thu hồi từ 3,6 ha điều chỉnh là 4,5 ha (tăng 0,9 ha).

2. Bổ sung danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phúc Thọ: 13 dự án, diện tích 29,21 ha.

(Danh mục kèm theo)

## 3. Điều chỉnh diện tích các loại đất phân bổ trong năm 2024:

Thứ tự	LOẠI ĐẤT	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
<b>I</b>	<b>Loại đất</b>		<b>11.849,65</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>6.606,32</b>	<b>55,75</b>
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	3.464,79	29,24
-	<i>Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>3.239,61</i>	<i>27,34</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	999,85	8,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.000,42	8,44
1.4	Đất lâm nghiệp	LNP	0,00	0,00
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	491,90	4,15
1.6	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	649,36	5,48
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.039,86</b>	<b>42,53</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	8,19	0,07
2.2	Đất an ninh	CAN	6,80	0,06
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	101,92	0,86
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	59,78	0,50
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	37,44	0,32
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	42,55	0,36
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.723,13	14,54
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.025,38</i>	<i>8,65</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>395,47</i>	<i>3,34</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>35,10</i>	<i>0,30</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>7,22</i>	<i>0,06</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>85,46</i>	<i>0,72</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>18,35</i>	<i>0,15</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>1,57</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,73</i>	<i>0,01</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>3,54</i>	<i>0,03</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>2,63</i>	<i>0,02</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>28,60</i>	<i>0,24</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>113,17</i>	<i>0,96</i>
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	<i>5,73</i>	<i>0,05</i>
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,00	0,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,00	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,35	0,02

2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.709,41	14,43
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	65,70	0,55
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,29	0,11
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,05	0,03
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	32,32	0,27
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.158,09	9,77
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	74,83	0,63
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,00	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>203,46</b>	<b>1,72</b>
<b>II</b>	<b>Khu chức năng</b>			
<b>3</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>KDT</b>	<b>373,33</b>	<b>3,15</b>
<b>4</b>	<b>Khu sản xuất nông nghiệp</b>	<b>KNN</b>	<b>4.240,02</b>	<b>35,78</b>
<b>8</b>	<b>Khu phát triển công nghiệp</b>	<b>KPC</b>	<b>101,92</b>	<b>0,86</b>
<b>9</b>	<b>Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)</b>	<b>DTC</b>	<b>0,00</b>	<b>0,00</b>
<b>10</b>	<b>Khu thương mại - dịch vụ</b>	<b>KTM</b>	<b>59,78</b>	<b>0,50</b>
<b>11</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>DNT</b>	<b>2.224,03</b>	<b>18,77</b>
<b>12</b>	<b>Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp</b>	<b>KON</b>	<b>1.746,85</b>	<b>14,74</b>

## 4. Điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất năm 2024:

STT	Loại đất	Mã loại đất	Diện tích thu hồi (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>201,68</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	180,93
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	177,86
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	3,07
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	16,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,67
1.4	Đất lâm nghiệp	LNP	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	3,34
1.8	Đất làm muối	LMU	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	-
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>9,36</b>
	<b>Tổng số</b>		<b>211,04</b>

## 5. Điều chỉnh kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:

STT	Loại đất	Mã loại đất	Diện tích CMD sử dụng đất (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)

<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>263,36</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	239,26
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	236,19
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK/PNN	3,07
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	19,94
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,82
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	3,34
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất NN</b>		<b>-</b>
<b>3</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi NN</b>		<b>14,03</b>
<b>4</b>	<b>Tổng số</b>		<b>277,39</b>

6. Điều chỉnh số dự án và diện tích ghi tại Điểm d Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 thành: 173 dự án, tổng diện tích 604,28 ha.

7. Các nội dung khác ghi tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 của UBND Thành phố vẫn giữ nguyên hiệu lực.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành của Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phúc Thọ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Thành ủy;
- TT HĐND TP;
- UB MTTQ TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- VPUB: VP, TNMT;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Đông**

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024  
CỦA HUYỆN PHÚC THỌ**

*Kiểm tra Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)*

TT	Danh mục công trình, dự án	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích thu hồi (ha)	Vị trí		Căn cứ pháp lý của dự án	
					Địa danh huyện	Địa danh xã		
<b>A</b>	<b>Các dự án đưa ra ngoài Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2024</b>							
1	Cụm công nghiệp Tam Hiệp	SKN	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà Minh Dương	20,99		Phúc Thọ	Tam Hiệp	Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty Cổ phần đầu tư Phát triển nhà Minh Dương thuê 209.906m <sup>2</sup> đất tại xã Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Tam Hiệp, huyện Phúc Thọ
2	Cụm công nghiệp Liên Hiệp - Giai đoạn 2	SKN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Dương	12,24		Phúc Thọ	Liên Hiệp	Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Minh Dương thuê 122.335,5 m <sup>2</sup> đất tại xã Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Liên Hiệp-Giai đoạn 2, huyện Phúc Thọ
<b>B</b>	<b>Các dự án điều chỉnh giảm/thay đổi trong năm 2024 (đã có trong Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 của HĐND Thành phố)</b>							
1	Xây dựng HTKT đầu giá khu Trường Yên, xã Long Xuyên giai đoạn 2	ONT	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Phúc Thọ	4,50	4,50	Phúc Thọ	Xã Long Xuyên	Phụ lục số 21 Nghị Quyết 03/NQ-HĐND ngày 05/02/2024 về việc phê duyệt dừng thực hiện dự án giai đoạn 2021-2025; phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
<b>C</b>	<b>Các dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024</b>							
<b>I</b>	<b>Các dự án phải báo cáo HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013</b>							
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục chính xã Trạch Mỹ Lộc	DGT	Ban QLDA ĐTXD	2,00	2,00	Phúc Thọ	Trạch Mỹ Lộc	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về việc phê duyệt

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích thu hồi (ha)	Vị trí		Căn cứ pháp lý của dự án
						Địa danh huyện	Địa danh xã	
			huyện Phúc Thọ					chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
2	Nâng cấp đường giao thông trục chính xã Tam Thuận	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	1,00	1,00	Phúc Thọ	Tam Thuận	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
3	Xây dựng chợ Thanh Đa, xã Thanh Đa	DCH	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	0,50	0,50	Phúc Thọ	Thanh Đa	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ
4	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang Đồng Vũng thôn 8, xã Phụng Thượng.	NTD	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	1,00	1,00	Phúc Thọ	Phụng Thượng	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của HĐND huyện Phúc Thọ về Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
5	Mở rộng nâng cấp nghĩa trang nhân dân đồng Vũng xã Ngọc Tảo.	NTD	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	0,10	0,10	Phúc Thọ	Ngọc Tảo	Nghị Quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
6	Xây dựng trường Mầm non Thanh Đa	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	1,20	1,20	Phúc Thọ	Thanh Đa	Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hát Môn	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	0,50	0,50	Phúc Thọ	Hát Môn	Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
8	Nhà văn hóa – khu thể thao thôn 6 xã Sen Phương	DVH	Ban QLDA ĐTXD	0,28	0,28	Phúc Thọ	Sen Phương	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về Phê duyệt chủ

TT	Danh mục công trình, dự án	Mã loại đất	Cơ quan, tổ chức, người đăng ký	Diện tích (ha)	Trong đó diện tích thu hồi (ha)	Vị trí		Căn cứ pháp lý của dự án
						Địa danh huyện	Địa danh xã	
			huyện Phúc Thọ					trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
9	Mở rộng, nâng cấp nghĩa trang nhân dân Độc Kỳ xã Võng Xuyên	NTD	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	2,01	2,01	Phúc Thọ	Võng Xuyên	Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
10	Nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường giao thông trục chính xã Tam Hiệp	DGT	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	0,25	0,25	Phúc Thọ	Tam Hiệp	Nghị Quyết số 21/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND huyện Phúc Thọ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
11	Xây dựng trường mầm non Ngọc Tảo	DGD	Ban QLDA ĐTXD huyện Phúc Thọ	1,00	1,00	Phúc Thọ	Ngọc Tảo	Nghị Quyết số 03/NQ-HĐND ngày 05/2/2024 của HĐND huyện Phúc Thọ về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025
<b>II</b>	<b>Các dự án không phải báo cáo HĐND Thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013</b>							
12	Dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại xã Long Xuyên, Xuân Đình và Thượng Cốc (thuộc khu vườn sinh thái Cẩm Đình-Hiệp Thuận)	ONT	Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Phúc Thọ	18,29		Phúc Thọ	Các xã Long Xuyên, Xuân Đình và Thượng Cốc	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 05/02/2024 về việc thông qua Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư nông thôn tại các xã: Long Xuyên, Xuân Đình và Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ (Thuộc ranh giới Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu vườn sinh thái Cẩm Đình-Hiệp Thuận)
13	Đề xuất thực hiện dự án Giáo dục	DGD	UBND huyện Phúc Thọ	1,08		Phúc Thọ	Phụng Thượng	Quy định tại điều 73, điều 193 Luật đất đai năm 2013; Phù hợp Quy hoạch sử dụng đất; Nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương; Văn bản số 01/CV-PTHĐ ngày 20/02/2024 của Trường Phổ thông Hồng Đức về việc đề nghị đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2024